TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-PT
Ngày: 25-02-2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại trong tố tụng hình sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp bồi thường thiệt hại trong tố tụng hình sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2019/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1976, cư trú tại: Số 248A, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn L - Văn phòng Luật sư L và Đ sống thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An.

Trụ sở tại: Số 34, đường Trần Văn G, Khu phố 2, thị trấn T5, huyện C1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An: Ông Phạm Văn T1 - Chức vụ: Chánh án Tòa án nhân dân huyện C1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T1 là: Ông Diệp Song T2 - Chức vụ: Phó chánh án Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2018).

- *Người kháng cáo*: Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Ngọc T trình bày:

Ngày 02/5/2013, tại địa bàn ấp V, xã V2, huyện C1, tỉnh Long An xảy ra vụ tại nạn đường thủy làm tử vong ba người, lúc sự việc xảy ra anh T đang dự đám giỗ tại nhà thuộc xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ngày 26/12/2013, Công an huyện C1, tỉnh Long An cho rằng anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên đã tiến hành tạm giữ bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa hạng nhất của anh từ ngày 26/12/2013 đến ngày 26/11/2015. Ngày 28/02/2014, anh T bị cơ quan tiến hành tố tụng của huyện C1, tỉnh Long An khởi tố hình sự với Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy. Ngày 22/4/2014, anh T bị Công an huyện C1, tỉnh Long An bắt tạm giam.

Ngày 29/8/2014, anh T bị đưa ra xét xử và Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An đã xử phạt anh T phạm tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy với mức hình phạt 07 năm tù giam theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2014/HS-ST ngày 26/8/2014. Sau đó, anh T làm đơn kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ra quyết định hủy Bản án sơ thẩm số: 17/2014/HS-ST ngày 26/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An.

Ngày 17/11/2014, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C1, tỉnh Long An đã ra Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số: 10/KSĐT ngày 17/11/2014, trả tự do cho anh T và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/KSĐT ngày 17/11/2014 đối với anh T.

Đến ngày 13/10/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C1, tỉnh Long An đã ra Quyết định đình chỉ điều tra số 01 ngày 13/10/2015 đối với anh T do hành vi không cấu thành tội phạm. Anh T đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường oan sai cho anh số tiền tổng cộng là 395.916.036 đồng. Các bên đã tiến hành thương lượng hòa giải 03 lần vào các ngày 27/9/2017, ngày 11/10/2017 và ngày 23/10/2017 nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An đã ra Quyết định bồi thường số: 01/QĐ-TA ngày 02/11/2017 chỉ chấp nhận bồi thường cho anh T số tiền 162.347.550 đồng nhưng anh T không đồng ý và khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường oan sai cho anh số tiền tổng cộng là 410.916.036 đồng. Sau đó, anh T khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường oan sai cho anh số tiền tổng cộng là 415.057.981 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải có trách nhiệm bồi thường oan sai cho anh T số tiền tổng cộng là 393.056.981 đồng, cụ thể anh T yêu cầu các khoản như sau:

- Đối với yêu cầu về tiền thiệt hại do tổn thất tinh thần thì trước đây anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh số tiền tổn thất tinh thần là 59.799.652 đồng. Tuy nhiên ngày 27/7/2018, anh T đã khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh thêm số tiền tổn thất tinh thần là 4.141.945 đồng, vì hiện tại mức lương cơ sở tính từ ngày 01/7/2018 tăng lên từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng. Như vậy, số tiền thiệt hại do tổn thất tinh thần trong những ngày anh T bị tạm giam, tạm giữ (tính từ ngày 22/4/2014 đến ngày 17/11/2014) là: 03 x 210 ngày x 63.186 = 39.804.545 đồng. Số ngày anh T được tại ngoại (tính từ ngày 28/02/2014 đến ngày 21/4/2014) là 53 ngày. Số ngày tại ngoại (tính từ ngày 18/11/2014 cho đến ngày 13/10/2015) là 329 ngày. Số tiền yêu cầu bồi thường là: 01 x 63.186 x 382 ngày = 24.137.052 đồng. Tổng số tiền tổn thất tinh thần mà anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh là 63.941.597 đồng.

- Tiền thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút trong thời gian bị tạm giam từ ngày 22/4/2014 đến ngày 17/11/2014 là 06 tháng 26 ngày. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T thống nhất mức lương làm thuyền trưởng của anh T trước ngày bị bắt là 11 triệu đồng/tháng, số tiền bị mất thu nhập là: 11 triệu đồng x 07 tháng = 77.000.000 đồng. Thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 18/11/2014 đến 13/10/2015 là 10 tháng 26 ngày, thời gian bằng thuyền trưởng bị thu giữ từ 26/12/2013 đến 26/11/2015 là 11 tháng 10 ngày anh T yêu cầu bồi thường 124.615.384 đồng. Bằng thuyền trưởng của anh bị cơ quan điều tra thu giữ từ

26/12/2013 đến 22/4/2014 là 4 tháng, anh yêu cầu bồi thường 48.000.000 đồng. Tổng thiệt hại về thu nhập do bị giảm sút mà anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường là 249.615.384 đồng.

- Tiền chi phí thuê luật sư tham gia vụ kiện ở Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An thì trước đây anh T chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An bồi thường cho anh tiền chi phí thuê Luật sư tổng cộng là 49.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 12/3/2018 anh T có yêu cầu khởi kiện bổ sung là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh thêm số tiền 15.000.000 đồng. Đây là số tiền mà anh T đã bỏ ra thuê Luật sư Nguyễn Hữu X trong vụ án "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy". Như vậy, số tiền chi phí thuê luật sư tổng cộng mà anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường là: 64.000.000 đồng (trong đó tiền chi phí thuê Luật sư Võ Thành Q và Luật sư Nguyễn Hữu X tổng cộng là 24.000.000 đồng, tiền chi phí thuê Luật sư Trương Thị X1 là 40.000.000 đồng).

- Tiền chi phí mà gia đình đi lại thăm nuôi anh T trong thời gian anh T bị tạm giam, tổng cộng số lần gia đình thăm nuôi là 14 lần, mỗi lần đi thăm chi phí là 1.000.000 đồng/lần: 14 lần x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng.

- Tiền chi phí mà gia đình anh T đi lại trong 03 lần anh T được triệu tập lên phiên tòa để xét xử, trong đó 01 lần tham gia phiên tòa ở Tòa án tỉnh Long An và 02 lần tham gia phiên tòa ở Tòa huyện C1, tỉnh Long An, mỗi lần đi lại là 1.000.000 đồng, chi phí đi lại trong trường hợp này là: 3 lần x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng.

- Từ ngày bị khởi tố là ngày 28/02/2014 cho đến ngày anh T bị tạm giam thì anh T bị cơ quan điều tra triệu tập lên để làm việc là 04 lần. Sau khi được tại ngoại từ ngày 18/11/2014 cho đến ngày được đình chỉ điều tra thì anh bị cán bộ điều tra triệu tập 10 lần, mỗi lần như vậy tiền chi phí đi lại là 500.000 đồng, số tiền yêu cầu bồi thường là: 14 lần x 500.000 đồng = 7.000.000 đồng.

- Ngày 17/11/2014, anh T được tại ngoại, do không có tiền về xe nên anh đã liên hệ với gia đình đón anh về, chi phí đi lại tốn 500.000 đồng.

- Chi phí chi cho 06 người làm chứng là NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC6, mỗi người là 1.000.000 đồng, số tiền chi phí chi cho người làm chứng là: 1.000.000 đồng x 6 người = 6.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh là 393.056.981 đồng.

Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An là anh Diệp Song T2 trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của anh T, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chấp nhận các khoản yêu cầu bồi thường sau:

- Đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại do tổn thất tinh thần, phía anh T có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh T số tiền tổn thất tinh thần tổng cộng là 63.941.597 đồng thì trước đây Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chỉ chấp nhận số tiền bồi thường là 59.680.900 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An cũng đồng ý bồi thường thiệt hại do tổn thất tinh thần cho anh T theo mức lương cơ sở hiện hành là 1.390.000 đồng.

Mức lương cơ sơ tính bồi thường là 1.390.000 đồng, tiền mỗi ngày là 1.390.000 đồng : 22 ngày = 63.181 đồng. Số ngày anhT bị tạm giam là 209 ngày (ngày bị bắt tạm giam là ngày 22/4/2014, ngày thay đổi biện pháp ngăn chặn là ngày 17/11/2014). Tiền bồi thường về ngày bị tạm giam là: 03 x 63.181 đồng x 209 ngày = 39.614.487 đồng. Số ngày anh T tại ngoại (tính từ ngày bị khởi tố bị can cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 28/02/2014 đến ngày bị bắt tạm giam là 21/4/2014) tổng số ngày là 53 ngày. Số ngày thay đổi biện pháp ngăn chặn (ngày 18/11/2014 đến ngày đình chỉ bị can ngày 13/10/2015) tổng số ngày 330 ngày. Tổng số ngày tại ngoại là 383 ngày. Số tiền yêu cầu bồi thường là (01 x 63.181 đồng) x 383 ngày = 24.198.323 đồng, tổng số tiền do tổn thất về tinh thần là 63.812.810 đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường của anh T về tiền thu nhập thực tế bị mất trong thời gian anh T bị tạm giam từ ngày 22/4/2014 đến ngày 17/11/2014 thì Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chỉ chấp nhận số tiền bồi thường tổng cộng là 75.166.650 đồng. Theo lời khai nhận của anh T, bị cáo S và bị cáo Q1 tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa thì các bên đều thừa nhận lúc xảy ra tai nạn thì mức lương của anh T là 11.000.000 đồng/tháng; 366.666 đồng/ngày. Thời hạn anh T bị tạm giam là 06 tháng 25 ngày (tính từ ngày 22/4/2014 đến ngày 17/11/2014), mức thu nhập bị mất là:

11.000.000 đồng x 06 tháng = 66.000.000 đồng

(11.000.000 đồng : 30) x 25 ngày = 9.166.650 đồng.

Các khoản còn lại anh T yêu cầu không được chấp nhận vì căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư 05/2012/TTLT-VKSNDTC-BCA-PTP-BQP-BTC-BNNPTNT ngày 02/11/2012 quy định "Người bị thiệt hại (kể cả trường hợp đã chết) chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong thời gian họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù".

- Đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải bồi thường cho anh T tiền chí thuê Luật sư tổng cộng là 64.000.000 đồng (trong đó tiền chi phí thuê Luật sư Võ Thành Q là 9.000.000 đồng và tiền chi phí thuê Luật sư Nguyễn Hữu X là 15.000.000 đồng, tiền chi phí thuê Luật sư Trương Thị X1 là 40.000.000 đồng) thì Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chỉ đồng ý bồi thường cho anh T tiền chi phí thuê Luật sư là 9.000.000 đồng vì theo hồ sơ thể hiện anh T có làm hợp đồng thuê Luật sư Q và Luật sư X, anh T đã cung cấp biên lai thu tiền với số tiền là 9.000.000 đồng.

Luật sư Trương Thị X1 tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T tại thời điểm anh T đã được đình chỉ bị can, anh T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An không chấp nhận số tiền anh T yêu cầu bồi thường tiền chi phí thuê luật sư Trương Thị X1 là 40.000.000 đồng. Đối với yêu cầu bổ sung của anh T về tiền chi phí thuê Luật sư Nguyễn Hữu X với số tiền 15.000.000 đồng thì Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An cũng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

- Đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bồi thường tiền chi phí mà gia đình đi lại thăm nuôi anh T trong thời gian anh T bị tạm giam, tổng cộng số lần gia đình thăm nuôi là 14 lần, mỗi lần đi thăm về chi phí là 1.000.000 đồng/lần: 14 lần x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An đã gửi công văn yêu cầu Cơ quan điều tra Công an huyện C1 xác định các lần thăm nuôi. Trên cơ sở sổ theo dõi thăm nuôi của Nhà tạm giữ Công an huyện C1 xác định gia đình anh T có thăm nuôi anh T 13 lần. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chỉ chấp nhận số tiền chi phí đi lại thăm nuôi trong thời gian anh T bị tạm giữ là 13.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bồi thường tiền chi phí mà gia đình anh T đi lại trong 03 lần anh T được triệu tập lên phiên tòa để xét xử, mỗi lần đi lại là 1.000.000 đồng là: 3 lần x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng thì Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An không chấp nhận yêu cầu này.

- Anh T xác định từ ngày bị khởi tố là ngày 28/02/2014 cho đến ngày anh T bị tạm giam thì anh bị cơ quan điều tra triệu tập lên để làm việc là 04 lần. Sau

khi được tại ngoại từ ngày 18/11/2014 cho đến ngày bị đình chỉ điều tra thì anh bị cán bộ điều tra triệu tập 10 lần, mỗi lần như vậy tiền chi phí đi lại là 500.000 đồng, số tiền yêu cầu bồi thường là: 14 lần x 500.000 đồng = 7.000.000 đồng. Theo chứng cứ do Tòa án thu thập được thể hiện Cơ quan điều tra làm việc với anh T tổng cộng là 17 lần nhưng trong đó chỉ có 10 lần với tư cách là bị can, bị cáo. Do đó, số tiền yêu cầu anh T được chấp nhận là: 500.000 đồng/lần x 10 lần = 5.000.000 đồng.

- Ngày 17/11/2014, anh T được tại ngoại, do không có tiền về xe nên phải liên lạc với gia đình lên đón về, chi phí đi lại là 500.000 đồng và anh T yêu cầu bồi thường tiền chi phí đi lại là 500.000 đồng. Do yêu cầu này có cơ sở nên Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chấp nhận yêu cầu của anh T.

- Đối với yêu cầu của anh T về chi phí chi cho 06 người làm chứng là NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC6, mỗi người là 1.000.000 đồng, số tiền chi phí chi cho người làm chứng mà anh T yêu cầu bồi thường là: 1.000.000 đồng x 6 người = 6.000.000 đồng thì Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An không chấp nhận. Theo hồ sơ thể hiện Cơ quan điều tra Công an huyện C1, tỉnh Long An và tại phiên tòa không có mời làm việc, tham gia tố tụng gồm: NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC6. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An không chấp nhận yêu cầu này của anh T.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh T, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An chỉ chấp nhận bồi thường cho anh T với số tiền tổng cộng là 166.479.460 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Ngọc T đối với bị đơn Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An về tranh chấp bồi thường oan sai trong tố tụng hình sự.

Buộc Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải có trách nhiệm bồi thường oan sai cho anh Đặng Ngọc T số tiền tổng cộng là 291.410.497 đồng (trong đó tiền thiệt hại do tổn thất tinh thần là 63.941.597 đồng, thu nhập thực tế trong thời gian bị tạm tạm giam là 75.576.900 đồng, thu nhập thực tế bị giảm sút trong thời gian bị tạm giữ bằng thuyền trưởng và cấm đi khỏi nơi cư trú là 109.392.000 đồng, tiền chi phí thuê luật sư là 24.000.000 đồng, tiền chi phí đi lại gia đình thăm nuôi là 13.000.000 đồng, chi phí đi lại theo yêu cầu của cơ

quan điều tra là 5.000.000 đồng, tiền chi phí anh T về nhà khi được trả tự do là 500.000 đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2018, bị đơn Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền thu nhập bị giảm sút trong thời gian bị tạm giữ bằng thuyền trưởng và cấm đi khỏi nơi cư trú là 109.329.000 đồng vì pháp luật không có quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An là ông Diệp Song T2:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT – VKSNDTC-BCA-BTP-BQP-BTC-BNNPTNT ngày 02/12/2012 thì người bị tạm giam, tạm giữ, chấp hành hình phạt tù mới được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút mà không quy định phải bồi thường trong trường hợp bị cấm đi khỏi nơi cư trú hay tạm giữ bằng lái, do đó phía bị đơn không đồng ý bồi thường cho anh T số tiền thu nhập bị giảm sút là 109.329.000 đồng. Pháp luật không có quy định thì không áp dụng, nếu được quy định bổ sung thì sẽ áp dụng sau này mà cũng không thể áp dụng hồi tố trong trường hợp này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Việc anh T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và bị tạm giữ bằng thuyền trưởng làm cho thu nhập thực tế của anh T bị mất, tuy nhiên trong thời gian này anh T có thể đi làm công việc phổ thông để có thu nhập nhưng vẫn không ổn định, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thu nhập anh T trong khoảng thời gian này thực tế bị giảm sút và anh T vẫn đồng ý không kháng cáo. Việc anh T không thể thực hiện nghề nghiệp nuôi sống gia đình vì phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thu nhập thực tế bị giảm sút đã được xem xét phù hợp với hoàn cảnh của anh T, vừa hợp tình hợp lý. Việc bị đơn áp dụng cứng nhắc quy định pháp luật như vậy sẽ làm thiệt hại thêm quyền lợi của anh T, vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ quy định khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT - VKSNDTC- BCA- BTP- BQP- BTC- BNNPTNT ngày 02/12/2012 có nội dung "người bị thiệt hại (kể cả trường hợp đã chết) chỉ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất trong thời gian họ bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù" như vậy tại khoản 1 Điều 7 chỉ xác định đối tượng được bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất mà không quy định đối tượng được bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị giảm sút. Theo quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT- VKSNDTC- BCA- BTP- BQP- BTC- BNNPTNT ngày 02/12/2012 về đối tượng được bồi thường là cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về vật chất, tổn thất về tinh thần (sau đây gọi chung là người bị thiệt hại) đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số: 05/2012/TTLT- VKSNDTC- BCA- BTP- BQP- BTC- BNNPTNT ngày 02/12/2012 và Điều 46 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2009 thì có căn cứ để xác định anh T là người bị thiệt hại do thu nhập thực tế bị giảm sút vì được trả tự do nhưng bị thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và bị thu giữ bằng lái đã ảnh hưởng đến công việc của anh. Tuy nhiên, để duy trì nguồn sống trong thời gian đó thì anh T cũng có thể làm những công việc phổ thông khác để có thu nhập chi tiêu cho cuộc sống nhưng thu nhập sẽ không được ổn định như công việc chính của anh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định trường hợp của anh T có bị giảm sút thu nhập thực tế và buộc phía bị đơn phải bồi thường cho anh T số tiền 109.392.000 đồng là phù hợp. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải chịu là 14.570.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020536 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 23, 26, 29, 32, 46, 47 Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2009; Bộ Luật lao động năm 2012; Thông tư số: 05/2012/TTLT-VKSNDTC- TANDTC- BCA- BTP- BQP- BTC- BNNPTNT ngày 02/11/2012; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Ngọc T đối với Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An về tranh chấp bồi thường thiệt hại trong tố tụng hình sự.

Buộc Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đặng Ngọc T số tiền tổng cộng là 291.410.497 đồng (hai trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải chịu là 14.570.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Long An phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020536 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng